

**Bản án số: 112/2017/HSST
Ngày 24/8/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Mạnh Hùng; nghề nghiệp: Cán bộ thanh tra, kiểm toán Công ty cổ phần than Cao Sơn;

2. Ông: Lương Công Tuyển; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu tại phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả;

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Ông Đặng Huy Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 85/2017/HSST ngày 16/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Tuấn D; tên gọi khác: không; sinh ngày 25/4/1982; tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; ĐKKHKT, chỗ ở tại: Số 9A, ngõ N, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm Văn T và bà Trần Thị C; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa. Nhân thân: Năm 2001 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2002 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án năm 2001, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù; Năm 2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2013, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: 1. Chị Nguyễn Thùy D - Sinh năm 1984; ĐKKHKT tại: Tổ N, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1955; ĐKKHKT tại: Tổ N, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Đỗ Thị Đ – Sinh năm 1959; ĐKHKT tại: ĐKHKT tại: Tổ N, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Tuấn D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong quá trình buôn bán quả chanh leo sang Trung Quốc với nhau, chị Nguyễn Thùy D, trú tại: Tổ N, khu N, phường C, thành phố C đã nợ chị Hoàng Thị N (tên gọi khác: N), trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà chưa có tiền trả. Thông qua mối quan hệ với anh Nguyễn Hữu H, chị N có biết Phạm Tuấn D và nhờ Phạm Tuấn D đòi chị Thùy D số tiền nợ này, nhưng sau đó chị N nghe thấy Tuấn D gọi điện thoại đe dọa, chửi bới chị Thùy D với thái độ hung hãn để buộc chị D trả tiền nên chị N sợ hãi và không nhờ Tuấn D đòi nợ nữa. Chị N đã gọi điện thoại cho chị Thùy D để thông báo không nhờ Tuấn D đòi nợ nữa và nếu có tiền trả nợ thì trả trực tiếp cho chị N. Mặc dù chị N không nhờ nhưng Tuấn D vẫn lấy lý do đòi nợ cho chị N, nhiều lần gọi điện thoại cho chị Thùy D đe dọa mục đích để lấy tiền của chị D và còn nhấn tin số tài khoản xxxxxxxxxxxx của Tuấn D mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Đ – Bắc Giang để bắt chị Thùy D phải trả nợ tiền của chị N, chuyển tiền vào tài khoản cho Tuấn D.

Trước sự đe dọa của Tuấn D, ngày 18/11/2016, chị Thùy D đã nhờ bạn cùng làm ăn là chị Nguyễn Thanh H chuyển vào tài khoản của Tuấn D số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ngoài ra chị Thùy D còn cho rằng chị H trả trực tiếp cho Tuấn D tiền mặt là 6.000.000 đồng (tổng cộng 10.000.000 đồng, chị Thùy D cũng không biết rõ lai lịch, địa chỉ của chị H, chỉ biết chị H nhà ở tỉnh Thái Nguyên).

Đến tháng 1/2017, Tuấn D lại tiếp tục gọi điện thoại đe dọa buộc chị Thùy D phải chuyển cho Tuấn D số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản, nếu không chuyển sẽ cho người đến nhà chị D làm mạnh tay. Do lo sợ nên ngày 05/01/2017 chị D đã nhờ chú họ là anh Nguyễn Quốc L chuyển 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào tài khoản cho Tuấn D.

Ngày 26/01/2017, Tuấn D đã rủ Dương Văn H, trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang thuê xe taxi đi đến nhà chị Thùy D (Tuấn D không nói cho anh H biết việc đi đòi nợ chị D), đến nơi Tuấn D bảo anh H ngồi ngoài xe đợi, Tuấn D vào nhà nhưng không gặp chị D mà gặp bố mẹ chị D là ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Đ ở nhà. Tuấn D đã quát tháo, nói với ông T, bà Đ nếu không trả nợ cho chị D thì sẽ cho người phá nhà và dọa đưa cháu T (con gái chị D) về nhà nuôi, Tuấn D còn bắt bà Đ phải viết giấy cam kết hẹn ngày 12/01/2017 âm lịch (tức ngày 08/2/2017 dương lịch) phải trả nợ theo yêu cầu của Tuấn D, khi bà Đ đang viết giấy cam kết thì anh H đi vào và chứng kiến việc Tuấn D đe dọa ông T - bà Đ nhưng anh H không nói gì. Tuấn D còn gọi điện thoại cho chị D yêu cầu đưa 20.000.000 đồng nhưng chị D nói không có tiền thì Tuấn D đe dọa lấy bộ bàn ghế và kệ của gia đình chị D đi cầm đồ. Lo sợ trước những lời đe dọa của Tuấn D, chị D đã thỏa thuận với Tuấn D trả trước số tiền 10.000.000 đồng, ông T đi gặp chị D lấy số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) về đưa cho Tuấn D thì Tuấn D và H đi về.

Ngày 08/02/2017, Tuấn D thuê xe taxi của anh Nguyễn Sỹ V để đi đến nhà chị D, Tuấn D còn rủ thêm anh Dương Văn H, Trần Tuấn H đi đến Cẩm Phả (không nói cho anh H và anh H là đi đến nhà chị D đòi tiền nợ), trên xe còn có anh Nguyễn Đức H là chú họ của anh V đi cùng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì xe của Tuấn D đến nhà chị D, Tuấn D đi vào trong nhà gặp chị D và ông T – bà Đ, những người còn lại ngồi ngoài xe, Tuấn D đã yêu cầu chị D phải trả số tiền nợ chị N là 300.000.000 đồng, nếu không có tiền trả hết thì ít nhất cũng phải trả 1/3 của số tiền này (tức 100.000.000 đồng), số tiền còn lại thì tự tính toán trả cho chị N sau. Do chị D nói không có tiền trả và đã thỏa thuận trả tiền cho chị N nên Tuấn D đe dọa chị D sẽ cho anh em san bằng nhà chị D và còn dọa ném điện thoại vào mặt chị D, lúc này anh H và anh H đi vào, có chứng kiến nhưng không nói gì và cũng không đe dọa ai, sau đó thấy căng thẳng hai anh lại ra ngoài xe đợi. Do lo sợ và không đủ số tiền 100.000.000 đồng để trả nên chị D và gia đình đã thỏa thuận đưa trước cho Tuấn D số tiền 12.000.000 đồng, số tiền 90.000.000 đồng còn lại thì trả sau. Tuấn D đồng ý nhận số tiền 12 triệu đồng và bảo chị D mang ra xe ô tô đỗ ngoài đường, khi chưa kịp giao nhận số tiền này thì Tuấn D bị cơ quan công an phát hiện và thu giữ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 93/KSĐT-HS ngày 15/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố Phạm Tuấn D về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tuấn D khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau: Bị cáo thừa nhận từ tháng 11/2016 đến tháng 01/2017 đã 03 lần cưỡng đoạt của chị Thùy D, tổng số tiền là 24.000.000 đồng (trong đó có 14 triệu đồng chuyển vào số tài khoản số xxxxxxxxxxxxxx của bị cáo mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Đ– Bắc Giang), đến ngày 08/02/2017 bị cáo đến nhà chị Thùy D đe dọa, ép buộc chị D phải đưa cho bị cáo 1/3 số tiền mà chị D nợ chị N tức là 100.000.000 đồng nếu chị D không trả cho bị cáo số tiền này thì sẽ cho bạn bè phá nát nhà, nhưng thấy khả năng của chị D không có đủ số tiền 100.000.000 đồng nên bị cáo đồng ý nhận số tiền 12 triệu đồng, yêu cầu chị D mang số tiền này ra xe taxi, bị cáo chưa kịp nhận số tiền này thì bị công an phát hiện. Bị cáo thừa nhận nội dung video mà chị D đã ghi lại trong quá trình bị cáo cưỡng đoạt tiền của chị D ngày 08/02/2017 là đúng. Tổng số tiền cưỡng đoạt được của chị D trước đây bị cáo đã ăn tiêu hết mà không đưa lại cho chị N. Trong quá trình bị tạm giam bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho chị D, ông T, bà Đ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), ngày 08/02/2017 khi bị công an phát hiện bắt quả tang, công an đã thu giữ của bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208, lắp sim số xxxx.xxx.xxx đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc đe dọa chị D phải đưa tiền; 01 túi nilon đựng 10 sim điện thoại có sim đã hỏng không sử dụng được, có 02 sim có số thuê bao là xxxx.xxx.xxx và xxxx.xxxx.xxx bị cáo dùng để liên lạc đe dọa chị D đưa tiền; công an còn thu giữ của bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh không liên quan đến việc phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hiện nay hoàn cảnh gia đình của bị cáo hết sức khó khăn, bố mẹ bị cáo tuổi đã cao, thường xuyên đau yếu, bị cáo là

lao động chính trong gia đình, bà nội bị cáo đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất.

Người bị hại là chị Nguyễn Thùy D tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại hồ sơ thể hiện việc bị cáo Phạm Tuấn D từ tháng 11/2016 lấy lý do đòi nợ số tiền 300.000.000 đồng của chị nợ chị Hoàng Thị N nên bị cáo đã có những hành vi đe dọa như: Phá việc buôn bán tại Lạng Sơn – Trung Quốc, mang cháu T là con gái chị về nuôi, lấy bộ bàn ghế, kệ gỗ cũng như phá nhà chị nên vào tháng 11/2016 chị đã phải nhờ chị Nguyễn Thanh H chuyển cho bị cáo 10.000.000 đồng (4.000.000 đồng chuyển khoản, 6.000.000 đồng chị H trả trực tiếp, chị đã trả lại cho chị H số tiền này nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của chị H), ngày 05/01/2017 chị nhờ chú họ là ông Nguyễn Quốc L chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 26/01/2017, khi chị không có nhà bị cáo đến đe dọa bố mẹ chị, bắt bố mẹ chị phải trả nợ thay cho chị, chị đã phải gọi bố chị là ông Nguyễn Văn T đến nơi chị bán hàng lấy 10.000.000 đồng về đưa cho bị cáo. Đến khoảng 10 giờ ngày 08/02/2017 khi chị và bố mẹ chị đang ở nhà thì bị cáo tiếp tục đến đe dọa, buộc chị phải đưa số tiền 100.000.000 đồng, nhưng do không có đủ số tiền này nên chị đã thỏa thuận với bị cáo đưa trước số tiền 12.000.000 đồng, còn 90.000.000 đồng chị hẹn 7 ngày sau sẽ đưa nốt, khi chị chưa kịp đưa tiền thì bị cáo bị công an phát hiện và thu vật chứng. Cả hai lần bị cáo xuống nhà chị để đe dọa, buộc chị đưa tiền bị cáo đều đi cùng với Dương Văn H nhưng H đều không có hành vi đe dọa chị, không tham gia vào công việc đòi nợ của bị cáo. Ngày 08/2/2017 bị cáo còn đi cùng với anh H, anh V, anh H nhưng các anh này không tham gia vào việc đe dọa chị để cưỡng đoạt tiền, quá trình bị cáo đe dọa cưỡng đoạt tiền chị đã ghi âm, ghi hình về những lời nói, hành động của bị và nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra. Chị đã được nhận lại số tiền 30 triệu đồng do gia đình bị cáo mang đến bồi thường, số tiền 12.000.000 đồng công an thu giữ ngày 08/02/2017 chị đã được nhận lại đầy đủ, chị đề nghị xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Đ - là bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thùy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có lời khai xác nhận về việc ngày 26/01/2017 bị cáo D đến nhà ông bà đe dọa ông bà bắt phải trả nợ thay cho chị D, nếu không trả được nợ thì sẽ lấy bộ bàn ghế và kệ gỗ của nhà ông bà, bắt ông bà viết giấy nhận nợ hẹn ngày 12/01/2017 âm lịch phải trả nợ cho chị D, bị cáo còn dọa bắt cháu T là con gái chị D về nhà nuôi, yêu cầu chị Thùy D và gia đình phải đưa số tiền 20.000.000 đồng, do lo sợ nên ông T đã phải gọi điện thoại và đi gặp chị D để lấy số tiền 10 triệu đồng về đưa cho bị cáo. Đến khoảng 10 giờ ngày 08/02/2017 bị cáo đến nhà ông bà để đe dọa chị D, yêu cầu chị D phải đưa 1/3 số tiền nợ chị N tức là 100.000.000 đồng nếu không trả sẽ cho anh em phá nát nhà của ông bà, chị D đã phải thỏa thuận đưa trước cho bị cáo 12.000.000 đồng số tiền còn lại thì trả sau, bị cáo yêu cầu chị D phải mang tiền ra xe ô tô, khi bị cáo chưa kịp nhận tiền thì bị công an phát hiện. Gia đình ông bà và chị D đã nhận được số tiền bồi thường là 30 triệu đồng từ gia đình bị cáo nên không có yêu cầu gì về phần dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng là chị Hoàng Thị N (tên thường gọi là N) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện việc chị Thùy D có nợ chị N số tiền 300.000.000 đồng, do làm ăn không thuận lợi nên chị D chưa có tiền trả, thông qua anh

Nguyễn Hữu H chị N có biết bị cáo D và đã nhờ bị cáo đòi tiền nợ chị Thùy D nhưng do biết bị cáo thường xuyên gọi điện thoại đe dọa, gây áp lực cho chị Thùy D để đòi tiền thì chị không nhờ để đòi tiền chị D nữa nhưng bị cáo lại quay ra đe dọa, chửi bới, thậm chí còn tát chị. Chị N đã phải gọi điện thoại xin lỗi chị D về việc nhờ bị cáo đòi tiền nợ và nói chị D không phải trả tiền cho bị cáo, nếu có tiền thì trả dần cho chị. Ngày 26/01/2017 và ngày 08/02/2017 khi bị cáo đến nhà chị D thì đều gọi điện, nhắn tin cho chị, chị đều nói không nhờ đòi tiền chị D nữa nhưng bị cáo còn chửi mắng, đe dọa chị và chị cũng thông báo lại với chị D để chị Dương báo công an đến giải quyết.

Những người làm chứng là anh Dương Văn H, Trần Tuấn H, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc L, Nguyễn Sỹ V, Nguyễn Đức H tuy không có mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bị cáo đã có hành vi đe dọa cưỡng đoạt tiền của chị Thùy D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Tuấn D về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Tuấn D từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (09/02/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành; tịch thu tiêu hủy 10 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XĐT thĒy

Lời khai của bị cáo Phạm Tuấn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và cơ bản phù hợp với lời khai của những người làm chứng: chị Hoàng Thị N, anh Dương Văn H, anh Trần Tuấn H, anh Nguyễn Sỹ V, Nguyễn Đức H, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc L. Ngoài ra lời khai của bị cáo còn phù hợp với các chứng cứ sau: Sổ phụ của Ngân hàng Agribank; Biên bản vụ việc do công an phường Cẩm B lập hồi 12 giờ 30 ngày 08/02/2017; Biên bản tạm giữ tài sản; Biên bản tạm giữ đồ vật; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường vụ cưỡng đoạt tài sản xảy ra tại nhà bà Đỗ Thị Đ tổ N, khu N, phường Cẩm B, thành phố C; Bản ảnh hiện trường và bản ảnh kèm theo biên bản xác định nội dung video, trích từ Video do chị Nguyễn Thùy D cung cấp; Các biên bản kiểm tra điện thoại lập ngày 08/02/2017; Biên bản về việc bắt người và còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các chứng cứ nêu trên cùng toàn bộ tài liệu cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến ngày 08/02/2017, lấy lý do đòi số tiền 300.000.000 đồng chị Nguyễn Thùy D nợ chị Hoàng Thị N, Phạm Tuấn D đã nhiều lần có hành vi đe dọa chị Nguyễn Thùy D phải đưa tiền trả nợ cho bị cáo. Do lo sợ và để yên ổn làm ăn nên tháng 11/2016 chị

Thùy D đã nhờ chị Nguyễn Thanh H chuyển 4.000.000 đồng, ngày 05/01/2017 chị D lại nhờ anh Nguyễn Quốc L chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản số xxxxxxxxxxxxxx của bị cáo mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Đ – Bắc Giang); Tại nhà bị cáo, ngày 26/01/2017 bị cáo đã nhận của gia đình bị cáo số tiền 10.000.000 đồng và ngày 08/02/2017 bị cáo yêu cầu bị cáo đưa 1/3 số tiền nợ bị cáo (tức 100.000.000 đồng) nhưng bị cáo không đủ tiền trả nên bị cáo đồng ý nhận số tiền 12 triệu đồng, khi chưa kịp nhận số tiền này thì bị công an phát hiện bắt quả tang. Do đó, bị cáo đã phạm tội cưỡng đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự, đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do muốn chiếm đoạt tiền của người bị hại, bị cáo đã dùng những thủ đoạn khác như đe dọa làm ảnh hưởng tới công việc, mang con của người bị hại về nuôi để uy hiếp tinh thần, đe dọa lấy và phá tài sản của người bị hại, làm cho người bị hại lo sợ nên buộc phải đưa tiền cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Bị cáo là người trưởng thành song do lười lao động, ý thức chấp hành pháp luật kém, tham lam tư lợi, muốn kiếm tiền nhưng không phải bằng con đường lao động chân chính. Để tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố nói chung cũng như để giáo dục, trừng trị riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra,

Hội đồng xét xử có xem xét: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến ngày 08/02/2017 bị cáo nhiều lần đe dọa để chiếm đoạt tài sản của bị cáo Thùy Dương nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, trong quá trình bắt tạm giam bị cáo đã động viên gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 30 triệu đồng, cả ba người bị hại có đơn, lời khai đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo muốn chiếm đoạt của người bị hại số tiền 100.000.000 đồng nhưng thực tế khi biết người bị hại không có khả năng đưa đủ số tiền này thì bị cáo cũng chấp nhận nhận số tiền 12.000.000 đồng chứng tỏ rằng bị cáo cũng không mong muốn thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Mặt khác Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay hết sức khó khăn, bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình, bố mẹ bị cáo tuổi đã cao, thường xuyên ốm đau, bệnh tật, bà nội bị cáo là người đã tham gia trong kháng chiến chống thực dân Pháp (gia đình bị cáo có đơn trình bày được chính quyền địa phương xác nhận) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Nhưng dù xem xét đến đâu thì việc bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng chống tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bị cáo Nguyễn Thị Thùy D đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại số tiền 12.000.000 đồng; ông T bà Đ và bị cáo D đã được bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng đến nay không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 túi nilon màu trắng cùng với 10 sim điện thoại, 01 thẻ nhớ đều không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 USB nhãn hiệu Sandisk do người bị hại cung cấp đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu trữ cùng hồ sơ vụ án; Thu giữ của bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Tuấn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với: - Dương Văn H, Trần Tuấn H, Nguyễn Sỹ V và Nguyễn Đức H, quá trình điều tra đã làm rõ H và H được bị cáo rủ đi cùng, anh V chỉ là lái xe taxi do Tuấn D thuê, anh H được anh V rủ đi chơi cùng, đều không biết mục đích cưỡng đoạt tài sản của bị cáo, cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tuấn D phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 135; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Tuấn D 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 09/02/2017).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 1280, số IMEI: 356712/05/315744/2, kèm 01 sim, 01 pin. Tịch thu tiêu hủy: 01 túi ni lon màu trắng, 10 sim điện thoại và 01 thẻ nhớ; Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành không liên quan đến việc phạm tội.

Tiền và tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 127/BB-THA ngày 23/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Căn cứ Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Tuấn D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt 03 người bị hại; Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q/N;
- VKSND TP C;
- Công an TP C;
- CCTHADS TP C;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

